

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99** /2026/HS-ST
Ngày: 16/06/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Phương
+ Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - N sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 05 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 06 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm: 1989; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh: tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm A Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số căn cước: 0370890042xx, cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C. Con ông Trần Văn H1 (Đã chết); con bà Ngô Thị B (Không xác định được năm sinh); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ: Ngô Thị H2; sinh năm: 1998; Hiện đang cư trú tại xóm I, xã L, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 người con, con lớn sinh năm 2015 con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Tại Bản án số 114/2023/HS-ST ngày 21/9/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. H đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 11/01/2024; nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 07/11/2023. Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 03 năm 2026 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Trần Như T, sinh năm 2003, trú tại thôn F, xã K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Người làm chứng: Chị Trần Thị Xuân L, sinh năm 1994; anh Đào Văn T1, sinh năm 1985; anh Phan Văn H3, sinh năm 1991. (những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/12/2025, Trần Văn H đi bộ từ nhà đến khu vực chợ Cóc thuộc xóm A Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình để mua đồ ăn. Tại đây H thấy ven đường có dựng xe mô tô của chị Trần Như T, trên móc treo đồ ở vị trí cổ xe mô tô có treo một túi xách nhỏ. H thấy túi xách không cài khóa, bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu xám nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. Lợi dụng thời điểm chị T đang ngồi mua rau (chị T quay lưng về phía xe mô tô) H tiến lại gần xe, đưa tay phải vào trong túi xách lấy chiếc điện thoại Iphone 12 promax rồi bỏ vào túi quần bên phải đang mặc, đi bộ về nhà. Sau khi về nhà, H dò được mật khẩu mở máy là “0000”. Tiếp đó, H tháo phôi sim đang lắp trong máy số thuê bao 0913969129 vứt đi và lắp sim điện thoại của mình số 0344773369 vào sử dụng.

Sau khi bị mất điện thoại, chị T không trình báo ngay mà đến ngày 12/01/2026, chị T mới đến Công an xã Q, tỉnh Ninh Bình trình báo. Tiến hành làm việc với Trần Văn H, H khai nhận đã lấy trộm chiếc điện thoại của chị Trần Như T và giao nộp lại 01 điện thoại di động Iphone 12 promax, lắp sim số 0344773369. Ngày 16/01/2026, Công an xã Q đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 02/03/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã Q, tỉnh Ninh Bình kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu xám, điện thoại đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 23/12/2025 có giá 10.500.000 đồng

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Như T đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone 12 promax và không có ý kiến gì khác; không yêu cầu Trần Văn H bồi thường chiếc phôi sim 0913969129 lắp trong điện thoại mà H đã tháo ra, vứt đi.

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu xám là tài sản của chị Trần Như T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho chị Trần Như T.

Đối với chiếc sim điện thoại số 0344773369 mà bị cáo lắp vào chiếc điện thoại Iphone 12 promax của chị Trần Như T để sử dụng, quá trình điều tra xác định chiếc sim số 0344773369 là của Trần Văn H, không sử dụng vào việc phạm tội, do đó Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc sim trên cho Trần Văn H thông qua người được uỷ quyền là anh Trần Văn H4 (chú của Trần Văn H).

Tại trạng số 49/CT-VKS-KS ngày 13 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, giữ nguyên quyết định truy tố; căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều

52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

+ Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 13 tháng 03 năm 2026.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14: Buộc bị cáo phải nộp 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Ninh Bình; không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án Tòa án đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng: Dữ liệu điện tử thu thập được là hình ảnh camera, kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 02/03/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự xã Q, tỉnh Ninh Bình kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu xám, điện thoại đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 23/12/2025 có giá 10.500.000 đồng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 20 giờ ngày 23/12/2025, tại xóm A Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Trần Như T, Trần Văn H đã lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xám loại 256Gb trị giá 10.500.000 đồng của chị Trần Như T. Hành vi nêu trên của Trần Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội Trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..”

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo về tội “trộm cắp tài sản” theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng

nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân bị cáo đã từng bị xử lý trách nhiệm hình sự chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội mới.

[3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật; hành vi phạm tội của bị cáo do lỗi cố ý;

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì loại hình phạt và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo

K lượng hình Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng và chính sách nhân đạo của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Như T đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone 12 promax và không có ý kiến gì khác; không yêu cầu Trần Văn H bồi thường chiếc phôi sim 0913969129 lắp trong điện thoại mà H đã tháo ra, vứt đi; do đó Hội đồng xét xử không xem xét lại vấn đề này.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu xám cho chị Trần Như T chủ tài sản. Trả lại chiếc sim điện thoại số 0344773369 mà bị cáo lắp vào chiếc điện thoại Iphone 12 promax của chị Trần Như T để sử dụng cho Trần Văn H thông qua người được uỷ quyền là anh Trần Văn H4 (chú của Trần Văn H). Các chủ tài sản đã nhận lại tài sản của mình không có ý kiến nào khác do đó Hội đồng xét xử không xem xét lại vấn đề này.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Ninh Bình; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát Khu vực 4- Ninh Bình, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án là có tội nên phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ: Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H, phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 15 (mười lăm) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 13/03/2026

3. Về án phí: buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/06/2026; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 02 bản;
- Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh: 01 bản;
- THADS tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Bị cáo: 02 bản;
- Bị hại: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu tòa và HCTP: 01 bản

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh